

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/HNGĐ-ST

Ngày 14-9-2017

"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hữu Luật;

Bà Trần Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại nhà văn hóa Khu Nhân Đào, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 142/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1980 - (có mặt);

ĐKHKTT: Thôn Q, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1979 - (vắng mặt);

ĐKHKTT: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương;

- *Người làm chứng:*

- Bà Đoàn Thị V, sinh năm 1953 - (có mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương;

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1960 - (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 9 tháng 8 năm 2017 cùng bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/5/2008 (Giấy đăng ký số 20 quyển số: 0 năm 2008). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh T thường xuyên rượu, chè về nhà đánh đập chị và các con. Chị đã nhờ mẹ chồng và anh em khuyên anh T, nhưng anh T không thay đổi. Đã hai lần chị phải bế con thuê nhà trọ ở, sau đó anh T đến tìm chị lại quay về, nhưng anh T vẫn không thay đổi tính nết. Chán nản, chị đã về nhà đẻ sống từ tháng 7/2017, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm và có trách nhiệm với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên xin ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Trần Tuấn K, ngày 28/02/2009 và Trần Tấn T, sinh ngày 27/01/2016, hiện cháu T ở cùng với chị, cháu K ở cùng với anh T. Chị đề nghị tiếp tục nuôi cháu Trần Tuấn T, giao cho anh T nuôi dưỡng cháu Trần Tuấn K. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2017 và biên bản hòa giải ngày 17/8/2017 bị đơn Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị T trình bày là đúng. Quá trình vợ chồng anh chung sống không xảy ra nhiều mâu thuẫn. Cách đây khoảng 2 tháng, chị T tự ý đưa con về nhà đẻ sống. Anh có gọi điện thoại nhưng chị T không nghe máy, đến tìm gặp, thì chị T đóng cửa không gặp mặt. Việc chị T trình bày trong quá trình vợ chồng chung sống anh thường xuyên đánh đập vợ con, rượu chè là không đúng sự thật. Đến nay chị T có đơn xin ly hôn, anh vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp chị T vẫn cương quyết ly hôn, đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Trần Tuấn K, sinh ngày 28/2/2009 và Trần Tấn T, sinh ngày 27/01/2016. Hiện nay cháu T ở với chị T, còn cháu K sống cùng với anh. Nếu trường hợp Tòa án quyết định cho vợ chồng anh ly hôn, anh xin nuôi cháu K, giao cháu T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Cháu Trần Tuấn K, sinh ngày 28/2/2009 có nguyện vọng xin được ở với anh Trần Văn T.

Lời khai của những người làm chứng:

Bà Trần Thị T là mẹ đẻ anh Trần Văn T trình bày: Nguyên nhân vợ chồng chị T mâu thuẫn là do anh T rượu chè, nên chị T chán nản không muốn chung sống cùng anh T. Chị T có nhiều lần nhờ bà khuyên anh T, bà đã động viên anh T nhưng không có kết quả, vì vậy mâu thuẫn vợ chồng anh T, chị T không được khắc phục. Nay bà mong muốn vợ chồng anh T, chị T đoàn tụ. Nếu chị T vẫn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T. Vợ chồng anh T đã có 02 con chung, cháu lớn hiện nay đang ở cùng với anh T, còn cháu nhỏ đang sống cùng chị T.

Bà Đoàn Thị V là mẹ đẻ chị T trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh T thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T hay rượu chè về nhà đánh đập vợ. Bà đã khuyên chị T, anh T nghĩ vì con chung mà chung sống hòa thuận với nhau. Nhưng anh T vẫn không thay đổi, vì vậy chị T nhiều lần bỏ nhà đi thuê nhà ở riêng, sau đó phải đưa con về nhà bà sống. Nay chị T xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh T và chị T ly hôn. Vợ chồng anh T đã có 02 con chung là Trần Tuấn K và Trần Tấn T. Cháu T đang ở với chị T. Nếu trường hợp chị T nuôi con chung, bà sẽ tạo mọi điều kiện về chỗ ăn ở cho mẹ con chị T.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và các ý kiến về con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh Tuấn là đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn. Về nuôi con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị T và anh T, giao cho chị T tiếp tục nuôi cháu T, giao cho anh T tiếp tục nuôi cháu K; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, nguyên, bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị T và anh Trần Văn T kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn của luật hôn nhân và gia đình nên xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh T hay rượu chè, nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Chị T đã nhiều lần phải bỏ nhà ra thuê nhà trọ ở. Từ tháng 7/2017 đến nay, chị đã về nhà mẹ đẻ sống, anh chị đã ly thân và không có trách nhiệm với nhau. Mặc dù anh cũng như gia đình anh đã nhiều lần tìm chị về chung sống cùng anh, nhưng chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên không về. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh và chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài thời gian cũng không đem lại hạnh phúc cho hai bên. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T.

[3] *Về quan hệ con chung:* Anh Trần Văn T và chị Trần Thị T có 02 con chung là Trần Tuấn K, sinh ngày 28/2/2009 và Trần Tấn T, sinh ngày 27/01/2016. Anh T xin nuôi cháu K, chị T xin nuôi cháu T. Sự thỏa thuận của anh, chị cũng phù hợp với nguyên vọng xin ở với bố của cháu K, anh chị đều không yêu cầu các bên cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận sự thỏa thuận trên của anh T và chị T.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức:* Anh Trần Văn T và chị Trần Thị T đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí:* Chị Trần Thị T xin ly hôn, nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật phí và lệ phí 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Trần Thị T ly hôn anh Trần Văn T.

2. *Về quan hệ con chung:* Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thị T và anh Trần Văn T, giao cho chị Trần Thị T tiếp tục nuôi con chung là Trần Tấn T, sinh ngày 27/01/2016, giao cho anh Trần Văn T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Tuấn K, sinh ngày 28/2/2009 đến khi các con đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm dân sự được đối trừ với 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai số AB/2014/0000108 ngày 09/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách.

Chị Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện Nam Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện Nam Sách;
- UBND xã Đ, H. N, tỉnh Hải Dương
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hà Thị Liên